TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN O** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST Ngày: 29/9/2021 *V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN O, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nay
2. Ông Nguyễn Trung Kiên

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Dương Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông B, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà C, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Bà D, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Bà E, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Bà G, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Bà H, sinh năm 1968, địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Bà I, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Ông K, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

+ Ông L, sinh năm 1961, địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2021, biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn, bà Atrình bày: Bà và ông B xây dựng hôn nhân năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, vợ chồng có một con chung M, sinh ngày 24/5/2010, đang sống chung với ông B.

Tài sản chung là: Phần đất trồng lúa tọa H tại ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, diện tích ngang 9,9m. dài 130m, phần đất này chuyển nhượng của bà E, sinh năm 1944, địa chỉ ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, giá 95.000.000 đồng, có làm giấy tay chuyển nhượng ngày 17/12/2012, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất này ông R đang sử dụng. Nợ chung là nợ tiền hụi chết và nợ vay của:

1. Bà C, sinh năm 1966, địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu số tiền nợ hụi là 40.000.000 đồng.

2. Bà D, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu 40.000.000 đồng.

3. Bà E, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu số tiền nợ hụi 40.000.000 đồng.

4. Bà G, sinh năm 1980, địa chỉ: Ấp 2, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu số tiền 40.000.000 đồng.

5. Bà I, sinh năm 1963, địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu số tiền nợ hụi 40.000.000 đồng.

6. Ông K, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu nợ vay số tiền 60.000.000 đồng.

7. Nguyễn Thanh Hương, sinh năm 1963, địa chỉ ấp Thạnh Hưng I, xã N A, huyện O, tỉnh Bạc Liêu số tiền nợ hụi 90.000.000 đồng.

Đối với phần nợ chung này giữa bà A, ông B và các chủ nợ đã tự thỏa thuận thanh toán nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến về kinh tế, vợ chồng làm ăn thua lỗ gây ra nợ nần, từ đó tE xuyên cự cãi, ông B

đánh đập bà, chị em chồng xua đuổi nên vợ chồng bà ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân và xảy ra mâu thuẫn, bà và ông B không còn tình cảm nên không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà yêu cầu ly hôn với ông B, không yêu cầu đoàn tụ. Bà đồng ý giao cháu M, sinh ngày 24/5/2010 cho ông B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà không cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung đã tự thỏa thuận thanh toán nợ với các chủ nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Theo bị đơn, ông B trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà A. Ông đồng ý ly hôn với bà A, không yêu cầu đoàn tụ; yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu M, sinh ngày 24/5/2010, không yêu cầu bà Acấp dưỡng nuôi con, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung đã tự thỏa thuận thanh toán nợ với các chủ nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà C trình bày: Bà Acó tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ và đã hốt hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi là 40.000.000 đồng. Bà và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà D trình bày: Năm 2012, 2013, bà Acó tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ và đã hốt hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi là 43.200.000 đồng. Giữa bà và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến gì về việc ông B và bà Aly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà C trình bày: Năm 2011, 2012, bà A, ông B có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ và đã hốt hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi là 90.000.000 đồng. Giữa bà và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến gì về việc ông B và bà A ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà I trình bày: Năm 2012, 2013, bà A có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ và đã hốt hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi là 40.000.000 đồng. Giữa bà và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến gì về việc ông B và bà A ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà G trình bày: Năm 2012, 2013, bà A có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ và đã hốt hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi là 33.000.000 đồng. Giữa bà và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến gì về việc ông B và bà A ly hôn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà H trình bày: Năm 2012, 2013, bà A có tham gia chơi nhiều dây hụi do bà làm chủ và đã hốt hụi, hiện nay còn nợ số tiền hụi là 75.000.000 đồng. Giữa bà và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số

tiền nợ hụi, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến gì về việc ông B và bà A ly hôn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông K trình bày:*Ông là cha ruột của bà A. Ông có cho bà A, ông B mượn số tiền 60.000.000 đồng, không làm biên nhận. Nay, giữa ông và bà A, ông B đã tự thỏa thuận được với nhau về số tiền mượn, không yêu cầu Tòa án giải quyết và không có ý kiến gì về việc ông B và bà A ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của bà Avà ông B. Giao con cho ông B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của bà A đối với ông B. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình bà Aphải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Ayêu cầu ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông B, hiện nay ông B cư trú tại ấp Thạnh Hưng 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà A và ông B xây dựng hôn nhân năm 2009, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 143, quyển 06, ngày 02/12/2010 nên hôn nhân giữa bà Avà ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 09 năm 2019 đến nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay bà Acương quyết yêu cầu ly hôn với ông B, không yêu cầu đoàn tụ. Đối với yêu cầu ly hôn của bà A, ông B cũng đồng ý ly hôn, không yêu cầu đoàn tụ. Do đó, cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Avà ông B.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Avà ông B có một con chung tên M, sinh ngày 24/5/2010, hiện con đang sống chung với ông B. Cả ông B và bà A đều thống nhất giao cháu M cho ông B nuôi dưỡng. Mặc khác, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu M thì cháu có nguyện vọng được sống chung với cha là ông B. Do đó, cần tiếp tục giao cháu M, sinh ngày 24/5/2010 cho ông B trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông B không yêu cầu bà Aphải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, bà A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà A và ông B thống nhất vợ chồng có tài sản sản chung là phần đất trồng lúa tọa H tại ấp 1, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, diện tích ngang 9,9m, dài 130m, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà A và ông B tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Avà ông B xác định có nợ tiền hụi, tiền vay của bà C, bà D, bà E, bà G, bà I, ông K. Nhưng giữa bà A, ông B và các chủ nợ đã thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán nợ, không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự về hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà A phải chịu 300.000 đồng.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 217, Điều 218, Điều 219, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban TE vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà A với ông B**.**

2. Về nuôi con chung: Giao cháu M, sinh ngày 24/5/2010 cho ông B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông B không yêu cầu bà A phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Bà A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở**.**

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn của bà A đối với ông B.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và Gia đình: Bà A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà A đã nộp tạm ứng án phí 8.050.000 (Tám triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000560 ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí. Bà A được hoàn lại số tiền 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện O;
- CC THADS huyện O
- UBND xã N, huyện O;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến